

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 17-8-2021

“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn T.

2. Bà Võ Thị C.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 30/2021/TLST-DS ngày 17/3/2021 về “***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 12/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 28/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 10/12/2018 bà có cho chị Trần Thị T, trú tại: Làng Đầm Khương, xã Tư Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai mượn số tiền là 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*). Chị T đã viết và ký tên vào giấy mượn tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận, thời gian trả nợ là 01 tháng. Bà đã cung cấp Giấy mượn tiền cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện. Đến thời gian hẹn trả nợ, chị T đã không trả được nợ gốc cho bà, chị T đã trả được tiền nợ lãi đến ngày 17/6/2019. Từ đó đến nay, chị T không trả được khoản nợ gốc và lãi nào cho bà, bà đã nhiều lần đến nhà chị T để yêu cầu trả nợ nhưng chị T không trả mà tiếp tục hẹn. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu chị T phải cho bà số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và yêu cầu chị T phải trả tiền nợ lãi là 10.800.000 đồng (tính từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/02/2021). Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị T phải trả số tiền còn nợ là 48.000.000 đồng (trong đó: 40.000.000

đồng nợ gốc và 8.000.000 đồng tiền nợ lãi tính từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/02/2021).

Đối với bị đơn chị Trần Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập chị T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do chị T thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Làng Đàm Khương, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; tuy nhiên chị T vẫn luôn giữ liên lạc qua điện thoại với gia đình (*cụ thể là bà Phúc mẹ chị*) và Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đến chị T được, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng chị T không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy mượn tiền đề ngày 10-12-2018, có nội dung “*Tôi tên Trần Thị T có mượn cô L số tiền là bốn chục triệu chẵn. Lãi suất hai bên đã thỏa thuận. Thời gian 1 tháng*” Ký tên T; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn Bốn (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị L (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985, có địa chỉ tại Làng Đàm Khương, xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua Công văn trả lời về việc tổng đạt văn bản tố tụng, cung cấp nhân thân, địa chỉ của Công an xã Tơ Tung ngày 19/3/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất; bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Kbang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập chị T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L vắng mặt nhưng bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền đề ngày 10/12/2018 (DL) có nội dung bị đơn chị Trần Thị T mượn của bà Lê Thị L số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận phía dưới có chữ ký của chị T. Việc vay mượn

tiền và chứng cứ là giấy mượn tiền nói trên đã được bà L và Tòa án thông báo đến bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Bị đơn chị Trần Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú nhưng chị vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ là bà Huỳnh Thị P, chị biết việc bà L khởi kiện nhưng do điều kiện ở xa nên chị luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L; điều này đã mặc nhiên thể hiện bị đơn chị Trần Thị T hiện vẫn còn nợ nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 40.000.000 đồng đã được ghi nhận trong giấy mượn tiền ngày 10/12/2018 (DL). Việc vay mượn tiền có lãi cũng được thể hiện trong giấy mượn tiền và chị T cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho bà L đến ngày 17/6/2019, sau đó không tiếp tục thực hiện nữa, việc bà L yêu cầu chị T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho bà từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/02/2021 (20 tháng) với lãi suất 1%/tháng là 8.000.000 đồng là hợp lý, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L, buộc bị đơn chị Trần Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 48.000.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 40.000.000 đồng; nợ lãi là 8.000.000 đồng (*tính từ ngày 18/6/2019 cho đến ngày 18/02/2021*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L được chấp nhận toàn bộ nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 48.000.000 đồng x 5% = 2.400.000 đồng (*hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bị đơn chị Trần Thị T phải trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ là 48.000.000 đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 40.000.000 đồng; nợ lãi là 8.000.000 đồng (*tính từ ngày 18/6/2019 cho đến ngày 18/02/2021*).

Kể từ ngày người được thi hành án bà L có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án chị T thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (40.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Trần Thị T phải chịu 2.400.000 đồng (*hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.270.000 đồng (*một triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003692 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

